ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7214 /UBND-NNTN	*Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 11 năm 2017*
V/v bổ sung vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đối với các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Nghĩa Hành	

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 10707
Ngày: 22/11/17
Chuyển:

Kính gửi:
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nghĩa Hành.

Xét đề nghị của UBND huyện Nghĩa Hành tại Công văn số 1309/UBND-TNMT ngày 15/9/2017 về việc đăng ký các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Nghĩa Hành; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5667/STNMT-QLĐĐ ngày 16/11/2017, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất bổ sung các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Nghĩa Hành, cụ thể như sau:

Tổng số có 26 vị trí, diện tích 6.538,7m^2, loại đất: HNK, CLN; trong đó:

- Thị trấn Chợ Chùa: Có 04 vị trí, diện tích 1.053,1 m^2, loại đất HNK;
- Xã Hành Minh: Có 05 vị trí, diện tích 1.156,9m^2, loại đất HNK, CLN;
- Xã Hành Thuận: Có 03 vị trí, diện tích 1.186,7m^2, loại đất HNK,;
- Xã Hành Đức: Có 03 vị trí, diện tích 550 m^2, loại đất HNK;
- Xã Hành Thịnh: Có 02 vị trí, diện tích 400m^2, loại đất CLN, HNK;
- Xã Hành Phước: Có 01 vị trí, diện tích 78,0m^2, loại đất CLN;
- Xã Hành Nhân: Có 03 vị trí, diện tích 851,7m^2, loại đất HNK;
- Xã Hành Dũng: Có 03 vị trí, diện tích 584,9m^2, loại đất HNK, CLN;
- Xã Hành Thiện: Có 02 vị trí, diện tích 677,4m^2, loại đất HNK, CLN;

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

2. UBND huyện Nghĩa Hành có trách nhiệm cập nhật các vị trí thửa đất nêu trên vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện; đồng thời chịu trách nhiệm việc đăng ký bổ sung các vị trí chuyển mục đích thực hiện trong năm kế hoạch.

3. Các vị trí cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải gắn kết với hạ tầng, kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, không làm ảnh hưởng đến việc phát triển quỹ đất tập trung đối với các dự án của tỉnh, của huyện.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi và hướng dẫn UBND huyện Nghĩa Hành triển khai thực hiện đúng quy định.

Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nghĩa Hành triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CNXD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh795).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục:

DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỔ SUNG VÀO BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Công văn số 7214/UBND-NNTN ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh)

I. Thị trấn Chợ Chùa

1. Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 12, diện tích 300m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2015 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), thị trấn Chợ Chùa. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1665515.99	583709.75
M2	1665478.25	583713.88
M3	1665475.19	583694.17
M4	1665512.34	583690.82

2. Thửa đất số 328, tờ bản đồ số 17, diện tích 559,2m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2015 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), thị trấn Chợ Chùa. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1664652.88	583527.79
M2	1664646.11	583532.87
M3	1664616.80	583530.72
M4	1664617.57	583507.49
M5	1664652.20	583507.60

3. Thửa đất số 494, tờ bản đồ số 12, diện tích 93,9m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2015 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), thị trấn Chợ Chùa. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1665488.39	583513.90
M2	1665458.67	583521.76
M3	1665456.62	583518.02
M4	1665471.82	583513.47

4. Thửa đất số 956, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2015 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), thị trấn Chợ Chùa. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN - 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1665063.12	582373.65
M2	1665058.13	582374.00
M3	1665050.90	582320.52
M4	1665055.95	582320.64

II. Xã Hành Minh

1. Thửa đất số 490, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Minh. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1663241.45	582322.35
M2	1663236.85	582366.33
M3	1663222.23	582361.45
M4	1663227.05	582320.17

2. Thửa đất số 120, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Minh. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1663039.86	583495.58
M2	1663018.50	583501.48
M3	1663016.52	583499.89
M4	1663013.40	583492.66
M5	1663006.46	583460.49
M6	1663007.10	583458.15
M7	1663022.26	583452.85

3. Thửa đất số 829, tờ bản đồ số 03, diện tích 144m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Minh. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1663841.80	582524.88
M2	1663834.99	582526.62
M3	1663831.72	582506.08
M4	1663838.82	582504.78

4. Thửa đất số 995, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Minh. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1661060.66	583945.83
M2	1661032.78	583953.98
M3	1661007.09	583899.10
M4	1661034.57	583889.61

5. Thửa đất số 284, tờ bản đồ số 14, diện tích 137,5m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Minh. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1661780.99	583575.15
M2	1661776.60	583576.16
M3	1661773.78	583545.47
M4	1661778.16	583544.43

III. Xã Hành Thuận

1. Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 04, diện tích 286,7m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Thuận. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1668372.90	583627.86
M2	1668347.87	583625.16
M3	1668348.03	583621.78
M4	1668347.00	583617.45
M5	1668370.39	583609.43

2. Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06, diện tích 400m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Thuận. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1668025.67	584086.14
M2	1668008.83	584089.60
M3	1667998.71	584088.35
M4	1667994.23	584075.98
M5	1667995.19	584062.63
M6	1668022.63	584059.97

3. Thửa đất số 1265, tờ bản đồ số 10, diện tích 500m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Thuận Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1656452.97	590417.26
M2	1656424.11	590423.87
M3	1656414.45	590409.84
M4	1656423.63	590403.55
M5	1656441.90	590399.21

2. Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 39, diện tích 200m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Thịnh. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1657411.25	590857.31
M2	1657411.25	590895.06
M3	1657394.91	590892.46
M4	1657389.18	590855.79

VI. Xã Hành Phước

1. Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 25, diện tích 78m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Phước. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1661948.49	589790.73
M2	1661935.37	589802.71
M3	1661930.08	589789.89
M4	1661931.68	589785.12
M5	1661933.57	589782.51
M6	1661935.57	589781.94
M7	1661937.11	589782.16

VII. Xã Hành Nhân

1. Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 12, diện tích 400m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Nhân. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1663019.74	581492.26
M2	1662999.69	581543.54
M3	1662941.33	581517.78
M4	1662930.08	581466.22

2. Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 19, diện tích 300m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Nhân. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1660870.78	577988.20
M2	1660853.83	578023.81
M3	1660819.18	578007.03
M4	1660822.14	577981.45
M5	1660825.23	577976.20

3. Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 151,7m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Nhân. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1662515.53	581503.41
M2	1662514.98	581508.38
M3	1662485.06	51506.25
M4	1662485.61	581501.28

VIII. Xã Hành Dũng

1. Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17, diện tích 100m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Dũng. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1664962.64	580214.92
M2	1664921.50	580213.17
M3	1664921.76	580192.01
M4	1664959.07	580193.11
M5	1664961.07	580198.70

2. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 16, diện tích 184,9m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Dũng. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1664713.74	579810.50
M2	1664710.30	579836.24
M3	1664707.80	579836.73
M4	1664706.44	579836.17
M5	1664705.06	579821.43
M6	1664704.74	579809.48

3. Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 06, diện tích 300m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Dũng. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1666629.02	580579.76
M2	1666601.99	580594.94
M3	1666593.03	580550.88
M4	1666620.05	580535.66

IX. Xã Hành Thiện

1. Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10, diện tích 595,7m^2, bản đồ nghiệm thu năm 2013 (Đo vẽ theo Dự án VLAP), xã Hành Thiện. Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000	
	X (m)	Y (m)
M1	1655809.70	582646.00
M2	1655807.08	582648.70
M3	1655785.09	582652.14
M4	1655782.70	582629.19
M5	1655807.15	582623.61

./.